

MỤC LỤC

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	3
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.....	3
1. Mục đích	3
2. Yêu cầu	4
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	4
IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	5
1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	5
2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên	8
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	10
V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	11
1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	11
2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	11
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024..	11
VI. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	12
1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024.....	12
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	16
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024.....	18
3.1. Đất nông nghiệp	20
3.2. Đất phi nông nghiệp.....	21
4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	22
4.1. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch.....	22
4.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Nhơn Trạch	22
5. Diện tích đất cần thu hồi sau khi bổ sung dự án, công trình	23
6. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong năm kế hoạch 2024	24
VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	24
1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	24
1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	24
1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường.....	25
2. Giải pháp về nguồn lực	26
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	26

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	26
3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất	27
4. Giải pháp khác.....	27
4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	27
4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	27
4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án.....	28
VIII. KẾT LUẬN.....	29

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Ngày 29/12/2023, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 3520/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được lập trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 35 của Luật đất đai 2013.

- Ngày 30/8/2024 Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 402/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Phiên họp lần thứ ba Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng.

- Ngày 17/10/2024 Bộ Công thương có thông báo số 364/TB-BCT về việc thông báo Kết luận của Bộ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Hồng Diên- Phó trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng tại cuộc họp về các dự án lưới điện phục vụ nhập khẩu điện từ Lào, dự án lưới điện đồng bộ giải tỏa công suất các Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 4 và dự án Đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên.

- Ngày 22/10/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn số 9692/STNMT-QH của về việc thực hiện thông báo số 402/TB-VPCP ngày 30/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

- Ngày 29/10/2024, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 13498/UBND-KTN về việc trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với 04 công trình năng lượng để giải tỏa công suất cho Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 13498/UBND-KTN ngày 29/10/2024 và văn bản 9692/STNMT-QH ngày 22/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nhơn Trạch đã thực hiện việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2024 của địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cần bổ sung trong năm 2024, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình bổ sung; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định Luật đất đai năm 2024;

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2020 - 2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

- Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2024; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (áp dụng trong khi Thông tư quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo luật Đất đai 2024 chưa được ban hành).

- Các dự án, công trình bổ sung chưa phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 nhưng đã phù hợp với quy hoạch chung thành phố mới Nhơn Trạch được điều chỉnh tại các Quyết định số 1446/QĐ/TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại vị trí xây dựng cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 862/QĐ/TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2027 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 862/QĐ/TTg ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (về hạ tầng kỹ thuật và khu công nghiệp).

- Quyết định số 1446/QĐ/TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại vị trí xây dựng cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai;

- Danh mục các dự án cần thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hàng năm trên địa bàn huyện Nhon Trạch được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

- Thông báo số 402/TB-VPCP ngày 30/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại Phiên họp lần thứ ba Ban Chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng.

- Thông báo số 364/TB-BCT ngày 17/10/2024 về việc thông báo Kết luận của Bộ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Hồng Diên- Phó trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng tại cuộc họp về các dự án lưới điện phục vụ nhập khẩu điện từ Lào, dự án lưới điện đồng bộ giải tỏa công suất các Nhà máy Nhiệt điện Nhon Trạch 3, Nhon Trạch 4 và dự án Đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên.

- Công văn số 13498/UBND-KTN ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh về việc trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với 04 công trình năng lượng để giải tỏa công suất cho Nhà máy nhiệt điện Nhon Trạch 3 và Nhon Trạch 4;

- Công văn số 9692/STNMT-QH ngày 22/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện thông báo số 402/TB-VPCP ngày 30/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Nhon Trạch được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất qua các năm.

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Nhon Trạch;

- Kết quả Thống kê đất đai năm 2023; các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2023; các trường hợp đã chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân;

- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

IV. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Nhon Trạch nằm ở phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai. Có tổng diện tích tự nhiên là 37.677,88 ha, gồm 12 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó thị trấn Hiệp Phước là trung tâm hành chính của huyện. Ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Long Thành;
- Phía Bắc và Tây Bắc giáp TP Thủ Đức, TP HCM;
- Phía Nam và Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Cần Giờ thành phố HCM.

Huyện Nhơn Trạch nằm tại trung tâm của khu vực tam giác trọng điểm phát triển kinh tế và đô thị (TP HCM - Biên Hòa - Vũng Tàu) nên huyện có nhiều lợi thế để phát triển trên mọi lĩnh vực kinh tế, đặc biệt thuận lợi để mở rộng khu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Đây đồng thời cũng là sức ép rất lớn đối với việc định hướng sử dụng đất của huyện, đặc biệt trong phân bổ cơ cấu sử dụng đất hợp lý để khai thác các tiềm năng sẵn có khác, đồng thời đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững.

Có hệ thống giao thông đường bộ thuận lợi ngoài đường cao tốc TP HCM Long Thành - Dầu Giây đã được đầu tư và đi vào hoạt động, các tuyến đường như đường cao tốc liên vùng phía nam Long Thành - Bến Lức, đường vành đai 3, đường 25C đang tiếp tục được đầu tư, ngoài ra hai tuyến tỉnh lộ 25B và 769 chạy dọc theo chiều dài huyện góp phần thúc đẩy phát triển thông thương, giao lưu kinh tế giữa các huyện của tỉnh và với các tỉnh khác;

Từ những điều kiện thuận lợi về vị trí nên huyện được quy hoạch là hạt nhân phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bảng 1: Diện tích tự nhiên theo từng đơn vị hành chính

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Toàn huyện	37.677,88	100,00
1	Đại Phước	1.658,55	4,40
2	Hiệp Phước	1.874,98	4,98
3	Long Tân	3.570,36	9,48
4	Long Thọ	2.381,63	6,32
5	Phú Đông	2.211,98	5,87
6	Phú Hội	1.906,69	5,06
7	Phú Hữu	2.173,69	5,77
8	Phước An	11.364,99	30,16
9	Phước Khánh	3.756,70	9,97
10	Phước Thiện	1.702,02	4,52
11	Phú Thạnh	1.750,53	4,65
12	Vĩnh Thanh	3.325,76	8,83

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Nhơn Trạch tương đối đơn giản mang đặc thù của vùng đồng bằng ven biển, thường xuyên chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều. Diện tích đất canh tác nông nghiệp tương đối lớn nhưng hiệu quả đem lại không cao do phần lớn đất bị nhiễm phèn, mặn ở dưới tầng sâu; tầng đất mặt ở khu vực cao hơn phần lớn lại là đất xám lại có lượng sét lẫn sạn sỏi tương đối lớn nên nghèo dinh dưỡng. Nền địa chất của khu vực tương đối vững chắc, địa hình dạng bằng phẳng nên rất phù hợp xây dựng. Địa hình phân thành 2 dạng chủ yếu:

- Dạng địa hình cao;
- Dạng địa hình thấp, trũng, ngập nước.

1.3. Khí hậu

Nhơn Trạch thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh, không có những cực đoan lớn về khí hậu, rất thuận lợi cho bố trí sử dụng đất.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ cao đều quanh năm và khá ổn định, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25 - 26⁰C. Biên độ nhiệt trong mùa mưa đạt 5,5 - 8⁰C, trong mùa khô đạt 5 - 12⁰C.

+ Lượng mưa: trung bình khoảng 1.800 - 2.000 mm/năm. Lượng mưa phân bố không đều tạo nên hai mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm trên 90% lượng mưa hàng năm, trong đó các tháng 8, 9, 10 có lượng mưa cao nhất; có tháng lượng mưa lên đến 500 mm. Các tháng mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với khoảng 10% lượng mưa trong năm. Có một số tháng hầu như không có mưa như tháng 1 và tháng 2.

+ Độ ẩm không khí trung bình năm từ 78 - 82%. Các tháng mùa mưa có độ ẩm tương đối cao 85 - 93%. Các tháng mùa khô có độ ẩm tương đối thấp 72 - 82%. Độ ẩm cao nhất 95%, thấp nhất 50%.

Tuy nhiên, với diễn biến biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng phức tạp cũng là một thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4. Thủy văn

Huyện Nhơn Trạch có nhiều sông suối lớn, sông còn là ranh giới với các huyện xung quanh. Phía Bắc và phía Tây có sông Đồng Nai, sông Cái và sông Nhà Bè, các sông này đều chảy thông với nhau (sông Cái là một nhánh của sông Đồng Nai nối với sông Nhà Bè) và thông ra sông Lòng Tàu (phía Tây Nam). Thượng nguồn sông Thị Vải nằm về phía Đông Nam của huyện. Sông Đồng Tranh nối với sông Thị Vải và sông Lòng Tàu làm thành ranh giới phía Nam với huyện Cần Giờ. Sông Cầu Trai chạy song song với sông Nhà Bè, sông Cầu Trai nối nhánh với sông Nhà Bè và sau đó lại đổ vào sông Nhà Bè. Sông Phước Lý

và rạch Ông Kèo nối liền với nhau chạy song song với sông Nhà Bè ở phía Tây huyện Nhơn Trạch, sông Phước Lý - Ông Kèo nối nhánh với sông Cái.

Sông Đồng Nai: Nằm phía Bắc huyện Nhơn Trạch, sâu 5-7m, rộng 500-700m. Sông còn có một nhánh nhỏ là sông Cái đi vòng quanh cù lao Ông Cùn sát phía Bắc của huyện Nhơn Trạch. Trên sông Cái có cảng Hải quân phục vụ cho mục đích quân sự.

Sông Nhà Bè sâu 10m, rộng 1000m, nằm phía Tây huyện Nhơn Trạch, nối với các đô thị khác trên hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn - Nhà Bè.

Sông Lòng Tàu sâu 10m, rộng 500-700m nằm ở phía Tây Nam huyện Nhơn Trạch nối sông Nhà Bè với Vũng Tàu.

Sông Đồng Tranh sâu 5-7m rộng 400m nằm ở phía Nam huyện. Phía Đông Nam huyện Nhơn Trạch là sông Thị Vải, sông có độ sâu trên 12m, rộng 500m.

2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo phân loại của FAO/UNESCO thì toàn huyện có 4 nhóm đất chính và 10 đơn vị đất như sau:

- Nhóm đất phù sa 19.729,7 ha, phân bố ở vùng thấp phía Bắc, phía Đông và Nam huyện. Trong nhóm đất này có 3.868,3 ha đất phèn tiềm tàng sâu, không hoặc ít bị ảnh hưởng của nước mặn tràn hoặc mạch mặn, là nơi trồng hai vụ lúa chắc; đất phèn tiềm tàng sâu mặn 4.194,3 ha, phân bố trong khu vực thủy lợi Ông Kèo; đất mặn trung bình do nước mạch mặn hoặc do tồn dư muối trong đất chưa bị rửa trôi hết, hiện cấy một vụ lúa mùa mưa.

Phần đất còn lại bị mặn tràn do thủy triều, hàm lượng muối trong đất rất cao, khoảng 0,2% Cl⁻ ở lớp đất mặt và trên 1% ở lớp đất sâu. Đất này dành cho lâm nghiệp trồng rừng ngập mặn.

- Nhóm đất gley phèn 1.137,5 ha, phân bố ven chân đồi ở xã Vĩnh Thanh và Hiệp Phước. Ở xã Vĩnh Thanh các lớp đất mặt là phù sa, các lớp dưới là cát biển, lớp phủ dày mỏng tùy thuộc gần hay xa chân đồi gò; trong khi đó ở xã Hiệp Phước thì ngược lại, phần đất mặt là do rửa trôi, xói mòn ở trên đồi gò đưa xuống có thành phần cơ giới thô, các phần dưới có nguồn gốc là phù sa phèn, cơ giới trung bình có lẫn xác thực vật. Đây là vùng sản xuất lúa năng suất cao, hầu hết cấy lúa 2 vụ, một số nơi trồng 3 vụ.

- Nhóm đất cát biển 613,0 ha; phân bố ở xã Phước An và một phần xã Long Thọ. Nguồn gốc do cát biển hình thành; phần lớn diện tích này bỏ hoang hoặc khai thác cát cho xây dựng, một số nơi trồng điều, cây ăn trái, hoa màu.

- Nhóm đất xám chiếm toàn bộ vùng đồi gò của huyện, diện tích 12.585,2 ha. Đất được hình thành trên mẫu chất phù sa cổ và có thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, tỷ lệ cát khoảng 75-80%, tầng đất dày trên 1m; độ dốc hầu hết dưới 3⁰ trừ một ít diện tích ven sườn đồi phía Bắc và phía Đông trên 8⁰. Nhóm đất này thích hợp cho cây dài ngày, hoa màu và cũng rất thích hợp cho xây dựng; riêng 1.673 ha đất vùng thấp hơn xung quanh hoặc ở chân sườn đồi tiếp

giáp với nhóm đất phù sa, các tầng đất dưới bị gley, thích hợp với 2 vụ lúa trong mùa mưa hoặc 1 màu 1 lúa.

b. Tài nguyên nước

* **Nước mặt:** Ngoài nước mưa, nguồn nước mặt chủ yếu được cung cấp chủ yếu từ các sông suối thuộc hệ thống sông Đồng Nai, tuy nhiên phần lớn đều bị nhiễm phèn, mặn nên khả năng sử dụng không cao.

* **Nước ngầm:** Theo tài liệu khảo sát của Liên đoàn Địa chất - thủy văn 8 cho thấy, nguồn nước ngầm tại vùng Long Thành - Nhơn Trạch khá phong phú. Chất lượng nước được đánh giá khá tốt, độ mặn <100 mg/l (riêng khu vực xã Phước Khánh nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn) và hàm lượng sắt không lớn (2-5 mg/l). Các tầng chứa nước ngầm ở Nhơn Trạch gồm 4 tầng cụ thể: tầng chứa nước Holocen (Q_{IV}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_{II-III}), tầng chứa nước Pleistocen (Q_I), tầng chứa nước Pliocen (N_2).

Nhìn chung các khu vực ven sông như: Phước Khánh, Đại Phước, Phú Hữu,... có nguồn nước ngầm khá lớn nhưng lại bị nhiễm mặn, khả năng đưa vào khai thác sử dụng cho sinh hoạt bị hạn chế. Ở khu vực địa hình cao, lượng nước ngầm có trữ lượng lớn, không bị nhiễm mặn nhưng hiện nay lại bị khai thác tràn lan do việc cung cấp nước máy cho nhu cầu sinh hoạt còn hạn chế. Vì vậy trong thời gian tới cần phải đầu tư hệ thống cấp nước để giải quyết triệt để nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân.

Riêng khu vực đồi gò thấp ở các xã trung tâm thì nguồn nước ngầm không bị nhiễm phèn mặn nhưng độ sâu khai thác lớn. Trong tình hình hiện nay, mật độ dân cư ngày càng tăng cao nên nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt rất lớn, trong khi đó việc khai thác nguồn nước phục vụ sinh hoạt trong các khu dân cư hiện nay phần lớn là tự phát, nếu không có các biện pháp quản lý việc khai thác nước ngầm thì nguy cơ ảnh hưởng đến dòng chảy của các tầng chứa nước và khả năng ô nhiễm nguồn nước ngầm là không nhỏ.

c. Tài nguyên rừng

Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất rừng của huyện là 4.273,74 ha. Như vậy diện tích rừng của huyện không nhiều và chủ yếu là rừng ngập mặn, tập trung nhiều nhất ở phía Nam huyện thuộc xã Long Thọ, Phước An chiếm 11,65% diện tích tự nhiên của huyện, là khu vực do Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành quản lý; có tác dụng hạn chế khả năng xâm nhập mặn vào các vùng sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó cũng phù hợp cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ.

d. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối hạn chế về chủng loại, nguồn khoáng sản chủ yếu là cát, sét gạch ngói. Trữ lượng dự báo các loại khoáng sản được đánh giá thuộc loại rất triển vọng cát xây dựng 31,9 triệu m^3 (Đồng Mu Rùa) tập trung chủ yếu ở dải trầm tích Kainozoi từ Long Thành đến Nhơn Trạch, sét gạch ngói 167 triệu m^3 (Vũng Gấm).

e. Tài nguyên nhân văn

Nhân dân huyện Nhơn Trạch có truyền thống yêu nước, cần cù, yêu lao động, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển địa phương phù hợp với nhịp điệu chung của xã hội; trong suốt quá trình xây dựng và phát triển những đặc tính đó luôn được phát huy và ghi nhận trong đời sống xã hội bằng những công trình mang đậm nét văn hóa qua từng thời kỳ như miếu, đình, đền... Các di tích lịch sử được tỉnh công nhận như khu di tích Địa đạo Nhơn Trạch, bia tưởng niệm Giồng Sắn... và các tập tục, lễ hội phi vật thể trong các công đồng dân cư.

Để xây dựng địa phương trở thành trung tâm văn hóa, xã hội, kinh tế của khu vực, nhân dân huyện Nhơn Trạch có nhiều động lực để tiếp tục phát huy các truyền thống quý báu của cha ông. Bên cạnh đó việc bảo tồn văn hóa phi vật thể và các công trình văn hóa cần được quan tâm, hạn chế tác động của đời sống hiện đại của đô thị làm mai một các nét văn hóa địa phương.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

a. Về kinh tế:

Theo số liệu thống kê của huyện Nhơn Trạch năm 2023 thì ngành công nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, sản xuất công nghiệp luôn giữ tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2023 đạt 224.236 tỷ đồng, tăng 15,27% so với cùng kỳ; thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng trở lại và phát triển khá tốt. Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện ổn định, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa đáp ứng nhu cầu của người dân. Đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn huyện năm 2023, ban hành kế hoạch triển khai thực Chương trình hành động phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Bên cạnh đó ngành nông nghiệp sản áp dụng tái cơ cấu với mục đích hướng tới khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tổng diện tích gieo trồng trong năm 2023 đến nay trên địa bàn huyện đã thực hiện sản xuất với diện tích là 6.557 ha/6.394 ha, đạt 102,54% kế hoạch đề ra năm 2023, so với cùng kỳ năm đạt 99,28%, giảm 0,7%.

b. Về dân số:

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2023, huyện Nhơn Trạch có dân số trung bình là 287.540 người chiếm 10,61% dân số trung bình của tỉnh Đồng Nai, trong đó: Dân số thành thị là 58.810 người, dân số nông thôn là 214.700 người. Mật độ dân số của huyện là 763 người/km² và là huyện có mật độ dân số khá cao so với toàn tỉnh.

c. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 37.678 ha, trong đó đất nông nghiệp 22.401,33 ha, đất phi nông nghiệp 15.276,56 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, UBND huyện đã thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch được duyệt với 66 dự án/1.071,24 ha. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay chưa có dự án nào hoàn thành thủ tục để giao đất, vẫn còn đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Đánh giá những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2024 đến nay đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại sau:

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Về trình tự, thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng: Quy trình các bước thực hiện (từ khi thông báo thu hồi đất đến khi thông báo cho người bị thu hồi đất nhận tiền bồi thường) phải qua nhiều công đoạn. Đến nay, pháp luật đất đai chưa quy định cụ thể trình tự thủ tục và thời gian thực hiện. Tỉnh Đồng Nai đã ban hành quy định thời gian hoàn thành các công đoạn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị nhưng trên thực tế việc thực hiện còn chậm so với quy định, chủ yếu ở các khâu kiểm kê đất đai, tài sản bị

thiệt hại, xác nhận nguồn gốc đất, lập phương án bồi thường. Ngoài ra, việc triển khai các công việc sau khi có thông báo thu hồi đất đến khi trình thẩm định phương án bồi thường các dự án còn chậm. Việc thực hiện các khâu trong công tác bồi thường các dự án không đồng bộ, không liên tục và thường bị gián đoạn

Tình trạng người dân không phối hợp thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại để lập phương án bồi thường (phải tiến hành kiểm kê bắt buộc), không chấp hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan có thẩm quyền vẫn còn xảy ra. Tình hình khiếu kiện của người bị thu hồi đất vẫn còn khá phức tạp, ảnh hưởng lớn đến tiến độ bàn giao mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư.

Đối với các dự án có hiện trạng đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai nhưng tiến độ thực hiện còn chậm nguyên nhân chủ yếu do: Để đạt chuẩn nông thôn mới, nhiều công trình đã được xây dựng trước mà chưa có các hồ sơ như: chấp thuận (hoặc quyết định) chủ trương đầu tư, thẩm định nhu cầu, cam kết môi trường,...; do vậy không đủ điều kiện để thực hiện giao đất. Ngoài ra, một số địa phương chưa thực sự quan tâm để thực hiện các dự án nằm trong kế hoạch dẫn đến tiến độ thực hiện kế hoạch còn chậm.

VI. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

1. Phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch đã bám sát phương hướng nhiệm vụ năm 2023 tại Báo cáo số 1129/BC-UBND ngày 28/11/2023 của UBND huyện Nhơn Trạch về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của huyện năm 2023; phương hướng nhiệm vụ năm 2024. Cụ thể như sau:

1.1. Mục tiêu tổng quát năm 2024

Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế đồng bộ, toàn diện, nhất là các ngành và lĩnh vực trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi bình đẳng. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; phát triển giáo dục-đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phát triển kinh tế - xã hội; ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Về kinh tế

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách trong năm 2024, phấn đấu đạt hoặc vượt so với dự toán được giao. Bổ sung một số nhiệm vụ chi cấp thiết, điều chỉnh một số danh mục cho phù hợp. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm chi ngân sách đúng chế độ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách. Tập trung quyết liệt để hoàn thành các công trình trọng điểm. Rà soát các công trình, dự án còn dở dang để tập trung đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý ngay những vướng mắc liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Thực hiện ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng các công trình giao thông, xây dựng dân dụng theo quy định.

- Tập trung thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án kịp thời bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện các dự án trên địa bàn huyện, nhất là các công trình trọng điểm như: đường Vành đai 3, đường Liên Cảng, đường 25C, các khu tái định cư, trường học...

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tăng cường thu hút đầu tư trong các Cụm Công nghiệp và Khu công nghiệp của huyện. Đẩy mạnh thực hiện công tác rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển nhằm khai thác các lợi thế, tiềm năng để thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn huyện. Tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các cụm công nghiệp, tăng khả năng tiếp nhận đầu tư, quan tâm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, sử dụng đất hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện cho các dự án có quy mô lớn đã và sẽ đi vào hoạt động, các dự án khác đang đầu tư để tăng nhanh sản lượng công nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, tăng cường áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Thực hiện khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tập trung, chỉ đạo sản xuất các vụ và các mô hình dự án sản xuất; chuẩn bị tốt việc làm đất, cung ứng giống cây trồng; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; đáp ứng đủ giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật cho phát triển sản xuất nông nghiệp, triển khai công tác tập huấn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Xây dựng các phương án chủ động phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng cây và tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Tiếp tục tập trung nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, giá trị gia tăng cao như dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân nông thôn tiếp cận được các hàng hóa có chất lượng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá, gây rối loạn thị trường. Phát triển các hoạt động thương mại điện tử.

- Tăng cường quản lý trật tự xây dựng, đô thị, đất đai, tài nguyên môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác duy tu, duy trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra, kiểm soát thường xuyên để ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm; tập trung xử lý dứt điểm các công trình vi phạm xây dựng trên đất công, đất nông nghiệp...

- Cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ đẩy mạnh cải cách, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Tăng cường cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp. Đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện đồng bộ việc giám sát của các cơ quan lý chuyên ngành về hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Phối hợp với các ngành chức năng của Tỉnh kiểm tra việc xử lý chất thải các khu công nghiệp.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản gắn với các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác xử lý chất thải, nhất là rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

b. Lĩnh vực Văn hóa - xã hội

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng... Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng y tế.

- Quản lý chặt chẽ giá thuốc, thiết bị y tế và chất lượng thuốc, thiết bị y tế. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên.

- Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, công tác bình đẳng giới, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo năm 2024. Triển khai thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách lao động, an toàn lao động và đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Ưu tiên thực hiện chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ vùng sâu vùng xa, con em gia đình chính sách, người có công, bộ đội xuất ngũ, con em gia đình trong các khu tái định cư.

- Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Tiếp tục công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đơn giản hoá các thủ tục và giấy phép bất hợp lý gây khó khăn cho hoạt động các doanh nghiệp, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

c. Nội chính, an ninh, quốc phòng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức của người dân, tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo trên tinh thần vừa bảo vệ lợi ích hợp pháp của người dân, công khai minh bạch, đúng pháp luật. Xử lý dứt điểm những vụ việc tồn đọng kéo dài, hạn chế để xảy ra những vụ khiếu kiện mới phức tạp, nhất là trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tăng cường kỷ cương hành chính, kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần trách nhiệm người đứng đầu, thái độ phục vụ của cán bộ công chức với nhân dân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực tổ chức và quản lý, có trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Thực hiện tốt cơ chế giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động tố tụng. Tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động, tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực chấp hành pháp luật, tính hiệu quả, công khai, minh bạch trong các chính sách của Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại các xã trên địa bàn huyện trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố và giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị tuyệt đối an toàn trong các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện chính trị lớn.

- Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, phối hợp chặt chẽ các lực lượng không để bị động bất ngờ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong các dịp kỷ niệm ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, hội nghị trên địa bàn. Không ngừng đảm bảo quốc phòng - an ninh, hoàn thành 100% chỉ tiêu công tác quốc phòng, quân sự địa phương, công tác tuyển quân năm 2024.

- Thực hiện tốt kế hoạch tuần tra kiểm soát đảm bảo an toàn giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp đua xe trái phép; thực hiện các chuyên đề như nồng độ cồn, xe quá tải, xe quá hạn sử dụng... nhằm kéo giảm tình hình tai nạn giao thông theo các tiêu chí: giảm số vụ, số người chết, người bị thương. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 13498/UBND-KTN ngày 29/10/2024 và văn bản 9692/STNMT-QH ngày 22/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nhơn Trạch sẽ thực hiện việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch là 08 dự án với tổng diện tích 34,67 ha. Cụ thể:

2.1. Bổ sung công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

Trong số 08 dự án bổ sung kế hoạch có 05 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất với tổng diện tích 10,87 ha gồm:

- Trạm 220kV khu công nghiệp Nhơn Trạch và đấu nối diện tích 3,6 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024.

- Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè diện tích 0,9 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 và Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (dự án đã có trong kế hoạch 2024 nhưng có 1 số đoạn chưa phù hợp, phải điều chỉnh diện tích).

- Đường dây 200kV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - TBA 500kv Long Thành diện tích 2,78 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 và nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai (dự án đã có trong kế hoạch 2024 nhưng điều chỉnh diện tích).

- Đường dây 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái diện tích 0,67 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 và Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án

phải chuyển mục đích sử dụng đất có diện tích đất trồng lúa năm 2024 tỉnh Đồng Nai.

- Dự án Cầu Phước An (dự án đã có trong kế hoạch duyệt 2024) tổng diện tích 11,43 ha (bổ sung diện tích 2,92 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024).

2.2. Các khu vực sử dụng đất khác

- **Đất ở nông thôn:** có 02 dự án/4,20 ha đã hoàn thành công tác bồi thường gồm dự án chung cư, khu nhà ở xã hội xã Phú Hội diện tích 2,6 ha (nằm trong khu tái định cư Phú Hội đã hoàn thành công tác bồi thường) và dự án chung cư, khu nhà ở xã hội xã Phước Thiện diện tích 1,6 ha (nằm trong khu tái định cư Phước Thiện đã được giao đất). Hai dự án này đưa vào kế hoạch bổ sung để làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- **Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng:** 01 dự án bến cảng chuyên dùng Maxihub diện tích 19,6 ha tại xã Phước Khánh, dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định 2842/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 với mục tiêu: cho thuê mặt nước để xây dựng một cầu tàu chuyên dụng để phục vụ cho hoạt động của công ty TNHH Maxihub thuộc khu công nghiệp Ông Kèo xã Phước Khánh.

Trong 08 dự án/ 34,67 ha bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch có 03 dự án gồm: Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè; đường dây 220kV NMD Nhơn Trạch 3 -TBA 500kV Long Thành, Dự án cầu Phước An là các dự án trong năm kế hoạch 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, nay có sự điều chỉnh, bổ sung diện tích thực hiện dự án. (Chi tiết danh mục dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch, đính kèm tại Biểu 05/CH).

Bảng 2: Số lượng dự án, công trình bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Mục đích sử dụng	Dự án trong KHSDĐ 2024 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023		Dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024	
		Số lượng	Diện tích (ha)	Bổ sung	
				Số lượng	Diện tích (ha)
1	Đất khu công nghiệp	1	531,70	-	-
2	Đất phát triển hạ tầng	51	909,18	5	10,87
-	Đất giao thông	20	712,04	1	2,92
-	Đất thủy lợi	2	16,80	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	1	5,00	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2	0,81	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	17	157,62	-	-
-	Đất công trình năng lượng	6	7,20	4	7,95

-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	0,33	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	1	0,54	-	-
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1	8,84	-	-
3	Đất ở tại đô thị	1	9,75		
4	Đất ở tại nông thôn	13	250,53	2	4,20
5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,07	-	-
6	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	-	-	1	19,60
Tổng		66	1.701,20	8	34,67

Như vậy, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch có 71 công trình gồm 66 công trình chuyên tiếp trong đó có 03 công trình điều chỉnh diện tích thực hiện và 05 công trình bổ sung mới.

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

Ngày 08/12/2023, UBND huyện Nhơn Trạch có Tờ trình số 221/TTr-UBND về việc thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch;

Ngày 18/12/2023 Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo thẩm định số 486/BC-STNMT về hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch;

Ngày 21/12/2023, Hội đồng Thẩm định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có Thông báo số 187/TB-HĐTĐQHKSĐĐ về thẩm định hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch;

Trên cơ sở Thông báo của Hội đồng Thẩm định, UBND huyện đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ và có Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 22/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch;

Ngày 29/12/2023, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch tại Quyết định số 3520/QĐ-UBND. Theo đó, hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện gồm 66 dự án/1.701,20 ha.

Ngày 21/10/2024 UBND huyện Nhơn Trạch đã có báo cáo số 902/BC-UBND về việc rà soát, bổ sung kế hoạch năm 2024 huyện Nhơn Trạch, theo đó UBND huyện đề xuất bổ sung 08 dự án/34,67 ha.

Ngày 22/10/2024 Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn số 9692/STNMT-QH của về việc thực hiện thông báo số 402/TB-VPCP ngày 30/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 29/10/2024, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 13498/UBND-KTN về việc trình bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đối với 04 công trình năng lượng để giải tỏa công suất cho Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 13498/UBND-KTN ngày 29/10/2024 và văn bản 9692/STNMT-QH ngày 22/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nhơn Trạch lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử

dụng đất của huyện. Theo đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch sau khi bổ sung, điều chỉnh diện tích thực hiện của 08 các công trình, dự án như sau:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	21.207,82	21.201,70	- 6,12
1.1	Đất trồng lúa	3.011,29	3.010,72	-0,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>2.848,11</i>	<i>2.847,54</i>	<i>-0,57</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.791,33	4.789,89	-1,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	7.460,69	7.459,55	-1,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	4.163,01	4.160,09	-2,92
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1.777,30	1.777,25	-0,05
1.6	Đất nông nghiệp khác	4,20	4,20	-
2	Đất phi nông nghiệp	16.470,07	16.476,19	6,12
2.1	Đất quốc phòng	590,50	590,50	-
2.2	Đất an ninh	8,46	8,46	-
2.3	Đất khu công nghiệp	3.155,37	3.155,33	0,04
2.4	Đất cụm công nghiệp	87,44	87,44	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	778,47	778,47	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	180,55	180,55	-
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	2,74	2,74	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3.341,59	3.348,02	6,43
	<i>Trong đó:</i>			<i>-</i>
	<i>- Đất giao thông</i>	<i>2.578,33</i>	<i>2.581,16</i>	<i>2,83</i>
	<i>- Đất thủy lợi</i>	<i>164,13</i>	<i>164,13</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>47,20</i>	<i>47,20</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở y tế</i>	<i>16,97</i>	<i>16,97</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>297,09</i>	<i>297,09</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>28,69</i>	<i>28,69</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất công trình năng lượng</i>	<i>80,23</i>	<i>83,83</i>	<i>3,60</i>
	<i>- Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>2,32</i>	<i>2,32</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>7,65</i>	<i>7,65</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>0,45</i>	<i>0,45</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>34,13</i>	<i>34,13</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>77,25</i>	<i>77,25</i>	<i>-</i>
	<i>- Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>0,01</i>	<i>0,01</i>	<i>-</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
	- Đất chợ	6,09	6,09	-
	- Đất công trình công cộng khác	1,04	1,04	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,87	3,87	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	311,49	311,49	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.988,05	1.987,84	- 0,21
2.12	Đất ở tại đô thị	240,10	240,10	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,40	14,40	-
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	27,32	27,32	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	16,39	16,39	-
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	5.676,02	5.675,96	- 0,06
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	47,32	47,32	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-

(Chi tiết theo đơn vị hành chính cấp xã, đính kèm tại biểu 02/CH)

3.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 21.201,70 ha. So với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 6,12 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** chỉ tiêu đất trồng lúa kế hoạch năm 2024 sau khi bổ sung các dự án, công trình là 3.010,72 ha, giảm 0,57 ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm do thực hiện chuyển sang đất phi nông nghiệp chủ yếu để thực hiện các dự án điện như: Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè, Đường dây 200kV đấu nối nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - TBA 500kv Long Thành, Đường dây 220kV nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu kế hoạch 2024 sau khi bổ sung các dự án có diện tích 2.847,54 ha giảm 0,57 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi bổ sung dự án, công trình là 4.789,89 ha, giảm 1,44 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi bổ sung dự án, công trình là 7.459,55 ha, giảm 1,14 ha so với kế hoạch được duyệt do chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ mục đích phát triển kinh tế, xã hội của huyện (4 dự án đất công trình năng lượng).

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi bổ sung dự án, công trình là 4.160,09 ha, giảm 2,92 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Cầu Phước An.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi bổ sung dự án, công trình là 1.777,25 ha, giảm 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt để chuyển sang đất phi nông nghiệp (4 dự án đất công trình năng lượng).

3.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp sau khi bổ sung dự án, công trình vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 16.476,19 ha tăng 6,12 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp ổn định không thay đổi so với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã duyệt, gồm:

- **Đất quốc phòng:** diện tích 590,50 ha.
- **Đất an ninh:** diện tích 8,46 ha.
- **Đất cụm công nghiệp:** diện tích 87,44 ha.
- **Đất thương mại dịch vụ:** diện tích 778,47 ha.
- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** diện tích 180,55 ha.
- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** diện tích 3,87 ha.
- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** diện tích 311,49 ha.
- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** diện tích 14,40 ha.
- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** diện tích 27,32 ha.
- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** diện tích 2,74 ha.
- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** diện tích 16,39 ha.
- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** diện tích 47,32 ha.

+ Các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp còn lại sau khi bổ sung dự án, công trình vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có thay đổi gồm:

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 sau khi thực hiện bổ sung dự án tuyến điện tại khu công nghiệp Ông Kèo xã Phước Khánh là 3.155,33 ha giảm 0,04 ha so với chỉ tiêu kế hoạch duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** diện tích kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024 khi bổ sung dự án, công trình là 3.348,02 ha tăng 6,43 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ **Đất giao thông:** diện tích kế hoạch trong năm 2024 khi bổ sung dự án, công trình là 2.581,16 tăng 2,83 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Diện tích tăng do bố trí thực hiện dự án cầu Phước An.

+ **Đất công trình năng lượng:** diện tích kế hoạch trong năm 2024 khi bổ sung 02 dự án và điều chỉnh diện tích thực hiện 02 dự án, công trình là 83,83 ha, tăng 3,63 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** diện tích kế hoạch trong năm 2024 khi bổ sung dự án, công trình là 1.987,84 ha giảm 0,21 ha với kế hoạch được duyệt để thực hiện các công trình đất năng lượng.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** diện tích kế hoạch trong năm 2024 khi bổ sung dự án, công trình là 5.675,96 ha, giảm 0,06 ha với kế hoạch được duyệt để thực hiện các công trình đất năng lượng.

4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

4.1. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch

Bảng 03: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 theo loại đất hiện trạng của huyện Nhơn Trạch

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1.193,51	1.199,63	6,12
1.1	Đất trồng lúa	419,67	420,24	0,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>407,98</i>	<i>408,55</i>	<i>0,57</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	306,51	307,95	1,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	416,35	417,49	1,14
1.4	Đất rừng phòng hộ	7,97	10,89	2,92
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	43,01	43,06	0,05
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	0,10	0,10	-
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	0,10	0,10	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	-	-	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 03a/CH kèm theo)

4.2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Nhơn Trạch

Bảng 04: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 theo loại đất trong hồ sơ địa chính

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1.282,24	1.327,15	44,91
1.1	Đất trồng lúa	537,81	538,52	0,71
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>525,19</i>	<i>525,83</i>	<i>0,64</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	218,57	220,05	1,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	437,12	433,62	-3,50
1.4	Đất rừng phòng hộ	7,97	10,89	2,92
1.5	Đất rừng sản xuất	-	37,70	37,70
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	37,61	43,21	5,60
1.7	Đất nông nghiệp khác	43,16	43,16	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	0,10	0,10	-
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	0,10	0,10	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	-	-	-

(Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại biểu 03b/CH kèm theo)

5. Diện tích đất cần thu hồi sau khi bổ sung dự án, công trình

Diện tích thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch thể hiện bảng sau:

Bảng 06: Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 của huyện Nhơn Trạch

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	860,88	867,18	6,30
1.1	Đất trồng lúa	235,60	236,31	0,71
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>224,52</i>	<i>225,23</i>	<i>0,71</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	255,29	256,77	1,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	324,10	325,24	1,14

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1.4	Đất rừng phòng hộ	7,97	10,89	2,92
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	37,92	37,97	0,05
2	Đất phi nông nghiệp	98,74	98,96	0,22
2.1	Đất khu công nghiệp	-	0,04	0,04
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,00	3,00	-
2.3	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	0,62	0,62	-
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	27,45	27,54	0,09
	- Đất giao thông	12,35	12,44	0,09
	- Đất thủy lợi	11,79	11,79	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	0,41	0,41	-
	- Đất cơ sở y tế	0,01	0,01	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,24	0,24	-
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	0,20	0,2	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	2,45	2,45	-
2.5	Đất ở tại nông thôn	26,14	26,17	0,03
2.6	Đất ở tại đô thị	0,59	0,59	-
2.7	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,02	0,02	-
2.8	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	40,92	40,98	0,06

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 04a/KH)

6. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong năm kế hoạch 2024

Trong tổng số 08 bổ sung và điều chỉnh diện tích thực hiện, có dự án 02 đã hoàn thành công tác thu hồi đất, một dự án thuê đất mặt nước, còn lại 05 dự án/ 10,87 ha với tổng diện tích cần phải thu hồi là 10,87 ha.

(Chi tiết các dự án thu hồi tại Biểu 04b/CH đính kèm)

VII. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Xác định diện tích rừng phòng hộ, giao trách nhiệm cho Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích đã được giao; đẩy mạnh việc trồng cây xanh phân tán trong các khu dân cư, dải cây xanh cách ly, cây xanh công viên và ven đường giao thông.

- Đối với các dự án có sử dụng đất rừng, đất chuyên trồng lúa nước trước khi triển khai thực hiện phải hoàn thành các thủ tục liên quan chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; đối với các dự án sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện và hoàn thành phương án sử dụng lớp đất mặt, nộp tiền theo quy định của Luật Trồng trọt; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.2. Giải pháp về bảo vệ bảo vệ môi trường

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác, chế biến phân bón vi sinh tại khu vực bãi thải, bãi xử lý chất. Tăng cường thu gom chất thải chuyên về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong huyện;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho huyện;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường: như khai thác cát trên sông Đồng Nai, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của

các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giải pháp về nguồn lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp thị trấn, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

Sau khi UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024, UBND huyện Nhơn Trạch sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

3.1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp các Phòng, Ban, UBND cấp xã có liên quan tổ chức triển khai kế hoạch sử dụng đất của huyện đạt chất lượng, hiệu quả;

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Quản lý đất đai chặt chẽ, đảm bảo việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3.1.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trong năm 2024.

3.1.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn, xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường

thực hiện điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án công trình theo luật định.

- Triển khai thực hiện các dự án được giao làm chủ đầu tư, vận động người sử dụng đất thực hiện chuyển mục đích đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích được duyệt.

3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện công bố, công khai kịp thời và đúng quy định, để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất thống nhất, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành đối với việc lập kế hoạch sử dụng đất sao cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển bền vững của địa phương, nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

4. Giải pháp khác

4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ

- Rà soát, thực hiện đầy đủ cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự

án đô thị, để tiến tới mở rộng không gian đô thị toàn huyện; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Nhơn Trạch như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục,...

4.3. Giải pháp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đã được UBND tỉnh ban hành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật. Rà soát, tổng hợp và đề xuất với cơ quan cấp tỉnh về những bất cập trong cơ chế, chính sách áp dụng trên địa bàn huyện;

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh;

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

VIII. KẾT LUẬN

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Nhơn Trạch với tổng số 08 dự án/34,67 ha trong đó: điều chỉnh diện tích 03 dự án/6,60 ha, có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; bổ sung mới 05 dự án/28,07 ha. Như vậy, tổng số dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện là 71 dự án với tổng diện tích 1.735,87 ha.

Các dự án đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.